

Số/No.: 408/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2023  
Hanoi, day 22 month 05 year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
  - Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
  - Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF MAFM VN30
  - Mã chứng khoán/ Securities symbols: FUEMAV30
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 19/05/2023
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/ Stock</b>		
1	ACB	3500	6.9%
2	BCM	100	0.6%
3	BID	200	0.7%
4	BVH	100	0.4%
5	CTG	900	2.0%
6	FPT	1200	7.9%
7	GAS	100	0.7%
8	GVR	200	0.3%
9	HDB	2100	3.2%
10	HPG	3900	6.8%
11	MBB	3000	4.4%
12	MSN	800	4.6%
13	MWG	1300	3.9%
14	NVL	1300	1.4%
15	PDR	300	0.3%
16	PLX	200	0.6%
17	POW	700	0.7%
18	SAB	100	1.3%
19	SSI	1200	2.2%
20	STB	2300	5.0%
21	TCB	2700	6.3%
22	TPB	1100	2.0%
23	VCB	600	4.5%
24	VHM	1300	5.7%
25	VIB	1300	2.2%
26	VIC	1400	5.9%
27	VJC	300	2.4%
28	VNM	1000	5.5%
29	VPB	5700	8.7%
30	VRE	1100	2.5%
<b>II.</b>	<b>Tiền / Cash (VND)</b>	<b>3,983,632</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,256,235,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,260,218,632 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 3,983,632 VND
  - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to reduce the spread:
    - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
    - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee



- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	25,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	44,650	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / <i>Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC</i>
3	BVH	44,800	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / <i>Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC</i>
4	FPT	82,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	MBB	18,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MWG	38,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	TCB	29,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	TPB	23,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	VIB	21,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

*State if component securities shall have corporate action:*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 19/05/2023	Kỳ trước/Last period (**) 18/05/2023	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	27,700,000	27,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	12,630	12,650	(20)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	349,080,561,036	346,262,894,897	2,817,666,139
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	1,260,218,632	1,250,046,552	10,172,080
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	12,602.18	12,500.46	101.72
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,068.84	1,070.76	(1.92)

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 18/05/2023*

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *Item 5 is net asset value at 17/05/2023*

Chủ tịch công ty kiểm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative

36 - C. T. N. H. H.  
CÔNG TY  
QUẢN LÝ QUỸ  
MIRAE ASSET  
(VIỆT NAM)  
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P. HÀ NỘI

Huh Hong Suk